

Số: 430 /TB-DHN

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Ngưỡng đầu vào và quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2025

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022;
- Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 20/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng năm 2025;
- Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;
- Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-DHN ngày 16/04/2025 của Trường Trường Đại học Dược Hà Nội ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội;
- Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025 của Trường Đại học Dược Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-BGDĐT ngày 21/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề trình độ đại học năm 2025
- Căn cứ kết luận của Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Dược Hà Nội ngày 23/07/2025;

### TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI THÔNG BÁO:

**1. Ngưỡng đầu vào đại học hệ chính quy năm 2025** đối với thí sinh không thuộc đối tượng ưu tiên ở khu vực 3 theo từng phương thức cụ thể như sau:

TT	Mã ngành	Ngành	Tổ hợp	2025		
				PT2A /PT2B (*)	PT3 (TSA-ĐHBK)	PT4 (KQ thi TN THPT)
1	7720201	Dược học	A00, B00	19,00	18,00	22,00
2	7720203	Hóa dược	A00	19,00	-	21,00
3	7440112	Hóa học	A00	19,00	-	20,00
4	7420201	Công nghệ sinh học	B00	19,00	-	20,00

(\*): theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Thí sinh cần lưu ý về ngưỡng đầu vào - điều kiện học bạ THPT của Trường Đại học Dược Hà Nội đối với ngành Dược học và Hóa dược theo phương thức 3 và 4: kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0.



Riêng phương thức **3** cần đáp ứng thêm điều kiện có học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên. Chi tiết xem trong Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường.

Đồng thời, Trường Đại học Dược Hà Nội miễn điều kiện “*Tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của một trong các tổ hợp môn xét tuyển của ngành (bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng, không bao gồm điểm khuyến khích) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GDĐT đối với ngành Dược học và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Dược Hà Nội đối với các ngành còn lại*” đối với các thí sinh đạt điểm trúng tuyển phương thức **2A, 2B, 2C** và có tên trong danh sách được miễn thi tốt nghiệp THPT đính kèm theo các văn bản sau:

(i) Công văn số 2514/BGDĐT-QLCL ngày 07/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc miễn kỳ thi tốt nghiệp THPT và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng năm 2025.

(ii) Công văn số 2625/BGDĐT-GDPT ngày 25/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc miễn thi tốt nghiệp THPT và ưu tiên xét tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng năm 2025 đối với học sinh tham dự ISEF tại Hoa Kỳ.

## **2. Chênh lệch giữa các tổ hợp trong phương thức xét tuyển**

Trường Đại học Dược Hà Nội không quy định chênh lệch điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng một ngành, một phương thức xét tuyển.

## **3. Quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển**

### **3.1. Bảng quy đổi điểm**

#### **(1) Ngành Dược học**

	<b>PT4 (PTXT gốc)</b>	<b>PT2A</b>	<b>PT2B</b>	<b>PT2C</b>	<b>PT3</b>
Khoảng 1	22,00 - 23,95		24,00 - 26,72		
Khoảng 2	23,95 - 24,50	26,03 - 26,58	26,72 - 27,27		
Khoảng 3	24,50 - 25,00	26,58 - 27,12	27,27 - 27,82	25,00 - 25,50	18,00 - 18,26
Khoảng 4	25,00 - 25,50	27,12 - 27,66	27,82 - 28,37	25,50 - 26,00	18,26 - 18,73
Khoảng 5	25,50 - 26,00	27,66 - 28,20	28,37 - 28,92	26,00 - 26,50	18,73 - 19,97
Khoảng 6	26,00 - 27,00	28,20 - 29,08	28,92 - 29,77	26,50 - 27,50	19,97 - 24,00
Khoảng 7	27,00 - 30,00	29,08 - 30,00	29,77 - 30,00	27,50 - 30,00	24,00 - 30,00

#### **(2) Ngành Hoá dược**

	<b>PT4 (PTXT gốc)</b>	<b>PT2A</b>	<b>PT2B</b>	<b>PT2C</b>
Khoảng 1	21,00 - 23,32		24,00 - 26,07	
Khoảng 2	23,32 - 24,50	25,18 - 26,36	26,07 - 27,25	
Khoảng 3	24,50 - 25,00	26,36 - 26,89	27,25 - 27,80	25,00 - 25,50
Khoảng 4	25,00 - 25,50	26,89 - 27,43	27,80 - 28,35	25,50 - 26,00
Khoảng 5	25,50 - 26,00	27,43 - 27,96	28,35 - 28,75	26,00 - 26,50
Khoảng 6	26,00 - 27,00	27,96 - 28,86	28,75 - 29,75	26,50 - 27,50
Khoảng 7	27,00 - 30,00	28,86 - 30,00	29,75 - 30,00	27,50 - 30,00



**(3) Ngành Hóa học**

	<b>PT4 (PTXT gốc)</b>	<b>PT2A</b>	<b>PT2B</b>	<b>PT2C</b>
Khoảng 1	20,00 - 24,02		24,00 - 26,53	
Khoảng 2	24,02 - 24,50	25,18 - 25,66	26,53 - 27,01	
Khoảng 3	24,50 - 25,00	25,66 - 26,17	27,01 - 27,54	25,00 - 25,50
Khoảng 4	25,00 - 25,50	26,17 - 26,69	27,54 - 28,06	25,50 - 26,00
Khoảng 5	25,50 - 26,00	26,69 - 27,20	28,06 - 28,59	26,00 - 26,50
Khoảng 6	26,00 - 27,00	27,20 - 28,22	28,59 - 29,51	26,50 - 27,50
Khoảng 7	27,00 - 30,00	28,22 - 30,00	29,51 - 30,00	27,50 - 30,00

**(4) Ngành Công nghệ sinh học**

	<b>PT4 (PTXT gốc)</b>	<b>PT2A</b>	<b>PT2B</b>	<b>PT2C</b>
Khoảng 1	20,00 - 23,10		24,00 - 25,87	20,00 - 23,10
Khoảng 2	23,10 - 24,00	25,18 - 26,08	25,87 - 26,77	23,10 - 24,00
Khoảng 3	24,00 - 24,50	26,08 - 26,58	26,77 - 27,27	24,00 - 24,50
Khoảng 4	24,50 - 25,00	26,58 - 27,08	27,27 - 27,77	24,50 - 25,00
Khoảng 5	25,00 - 26,00	27,08 - 28,08	27,77 - 28,77	25,00 - 26,00
Khoảng 6	26,00 - 27,00	28,08 - 29,08	28,77 - 29,77	26,00 - 27,00
Khoảng 7	27,00 - 30,00	29,08 - 30,00	29,77 - 30,00	27,00 - 30,00

**3.2. Công thức quy đổi tổng quát:**

$$X = a + (Y - c) * (b - a) / (d - c)$$

Trong đó:

*X: Điểm quy đổi về phương thức xét tuyển gốc – phương thức 4*

*Y: Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển cần quy đổi*

*a: Giá trị bắt đầu của khoảng điểm theo phương thức 4 tương ứng*

*b: Giá trị kết thúc của khoảng điểm theo phương thức 4 tương ứng*

*c: Giá trị bắt đầu của khoảng điểm phương thức xét tuyển cần quy đổi*

*d: Giá trị kết thúc của khoảng điểm phương thức xét tuyển cần quy đổi*

Ví dụ:

Thí sinh đạt 28,00 điểm xét tuyển theo phương thức 2B thì đối với ngành Dược, điểm quy đổi sang phương thức gốc của thí sinh là:

$$X = 25,00 + (28,00 - 27,82) * (25,50 - 25,00) / (28,37 - 27,82) = 25,16.$$

Trân trọng thông báo!

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- HĐTSĐH 2025;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025  
HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Hải Nam**